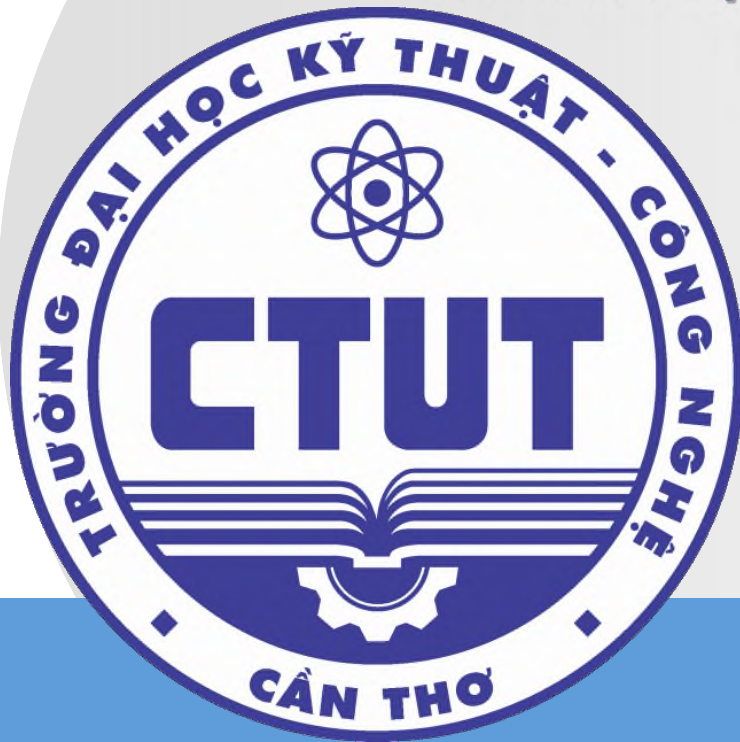


TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ  
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

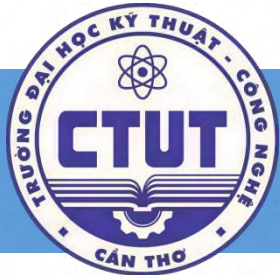


**NỘI DUNG SINH HOẠT**  
*Khóa 2022*

Địa chỉ truy cập:

<http://pdaotao.ctuet.edu.vn>

*Cần Thơ, tháng 9 năm 2022*



# THÔNG TIN LIÊN LẠC PHÒNG ĐÀO TẠO

Điện thoại: 0292.3898167

## **Trưởng phòng: Tiến sĩ Nguyễn Minh Tuấn**

- Điện thoại: 0913185666
- Email: [nmtuan@ctu.edu.vn](mailto:nmtuan@ctu.edu.vn)

## **Phó Trưởng phòng: Thạc sĩ Diệp Bình Nguyên**

- Điện thoại: 0919112696
- Email: [dbnguyen@ctu.edu.vn](mailto:dbnguyen@ctu.edu.vn)

## **Giảng viên kiêm nhiệm: Thạc sĩ Nguyễn Phan Tú**

- Điện thoại: 0899496989
- Email: [nptu@ctu.edu.vn](mailto:nptu@ctu.edu.vn)

## **Chuyên viên: Kỹ sư Nguyễn Bình Trọng**

- Điện thoại: 0966527537
- Email: [nbtrong@ctu.edu.vn](mailto:nbtrong@ctu.edu.vn)

## **Chuyên viên: Cao học Lê Huỳnh Nhật Đăng**

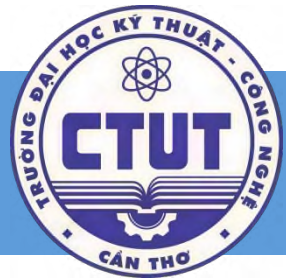
- Điện thoại: 0907120010
- Email: [lhndang@ctu.edu.vn](mailto:lhndang@ctu.edu.vn)

## **Chuyên viên : Cử nhân Lương Phạm Hoàng Long**

- Điện thoại: 0975022333

## **Giảng viên kiêm nhiệm: Thạc sĩ Ngô Thị Mỹ Hạnh**

- Điện thoại: 0973813470
- Email: [ntmhanh@ctu.edu.vn](mailto:ntmhanh@ctu.edu.vn)



# NỘI DUNG TRÌNH BÀY

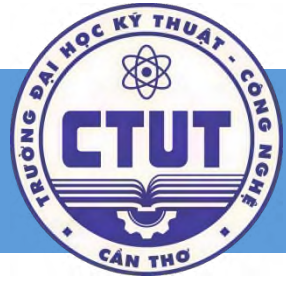
**Phần 1.** Quy định đào tạo trình độ đại học

**Phần 2.** Quy định làm luận văn hoặc thực tập tốt nghiệp cuối khóa

**Phần 3.** Chuẩn đầu ra "Quy định chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin"

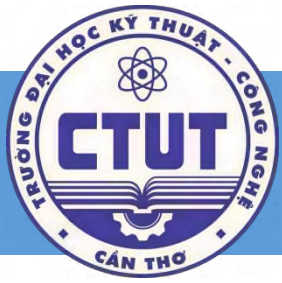
**Phần 4.** Hạng tốt nghiệp, thời gian trao bằng

**Phần 5.** Giới thiệu sử dụng phần mềm.



## **Phần 1**

# **Quy định đào tạo trình độ đại học**



# QUY CHẾ HỌC VỤ

Truy cập: [www.ctuet.edu.vn](http://www.ctuet.edu.vn) -> Các phòng chức năng -> Phòng Đào tạo -> Quy chế học vụ

## TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Phương thức xét tuyển

- Xét kết quả học bạ
- Xét kết quả thi THPT
- Tuyển thẳng
- Xét kết quả kỳ thi năng lực Đại học QG TP.HCM

Mã trường KCC

Học phí Trường Công lập  
Học bổng khuyến khích, khuyến tài  
Giới thiệu việc làm hoàn toàn

Click đăng ký



### Cổng thông tin

- Sinh viên, phụ huynh
- Viên chức, giảng viên
- Dạy học trực tuyến
- Thư viện trường
- Đoàn thanh niên

### Các phòng chức năng

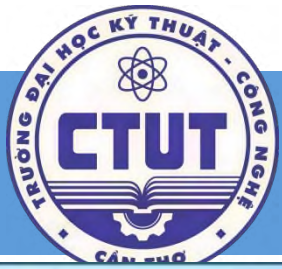
- Phòng Đào tạo
- Đảm bảo chất lượng – Khảo thí
- Công tác chính trị - QLSV
- Tổ chức - Hành chính
- Quản trị - Thiết bị
- Tài chính – Kế toán

## TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

# PHÒNG ĐÀO TẠO



Trang chủ | Giới thiệu ▾ | Thông báo | Tốt nghiệp ▾ | Luận văn - Tiểu luận ▾ | Chương trình đào tạo | **Quy chế học vụ** | Quy trình - Biểu mẫu | Khảo sát



# QUY CHẾ HỌC VỤ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CĂN THỜ

## PHÒNG ĐÀO TẠO



Trang chủ

Giới thiệu ▾

Thông báo

Tốt nghiệp ▾

Luận văn - Tiểu luận ▾

Chương trình đào tạo

Quy chế học vụ

Quy trình - Biểu mẫu

Khảo sát

### QUY CHẾ HỌC VỤ

Quy chế đào tạo tín chỉ

Ngày đăng:

Quy định làm Luận văn tốt nghiệp, Tiểu luận tốt nghiệp đại học chính quy

Ngày đăng:

Quy định Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin


Ngày đăng:

### ĐĂNG NHẬP

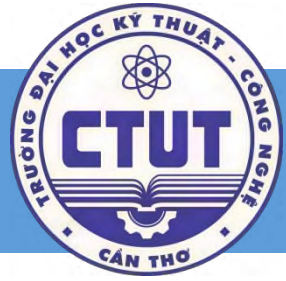
Mã sinh viên:

Mật khẩu:

Mã bảo vệ:

RayP 

Đăng Nhập



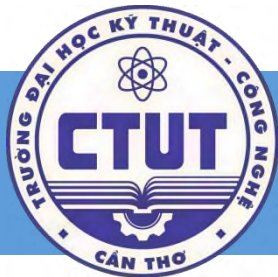
# KHỞ KIẾN THỨC

**1. Giáo dục đại cương**

**2. Giáo dục chuyên nghiệp**

+ Kiến thức cơ sở

+ Kiến thức ngành chính.



UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

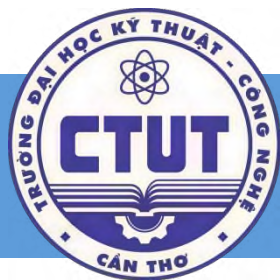
### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số: 533/QĐ-DHKTCTN ngày 16 tháng 12 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

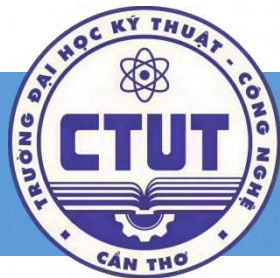
Trình độ đào tạo: Đại học  
Ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật hóa học  
(Chemical Engineering)  
Mã ngành: 7510401  
Tên văn bằng: Kỹ sư  
Loại hình đào tạo: Chính quy  
Hình thức đào tạo: Tập trung  
Thời gian đào tạo: 4,5 năm  
Đơn vị quản lý: Khoa Công nghệ thực phẩm và Công nghệ sinh học  
Số tín chỉ: 150 (Không tính các học phần điều kiện)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước/song hành
<b>Giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất</b>					11				
1	CB050	GDQP1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (*)	HK phụ năm 1	2	2		37	8	
2	CB051	GDQP2: Công tác quốc phòng và an ninh (*)		2	2		22	8	
3	CB052	GDQP3: Quân sự chung (*)		2	2		14	16	
4	CB053	GDQP4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (*)		2	2		4	56	
5	CB035	Giáo dục thể chất 1 (*)	HK phụ năm 1	1	1			45	
6	CB036	Giáo dục thể chất 2 (*)		1	1			45	CB035 (1)
7	CB037	Giáo dục thể chất 3 (*)		1	1			45	CB036 (1)
<b>Kiểm thử giáo dục đại cương</b>					39	2			
8	CB040	Triết học Mác Lênin	1	3	3		45		
9	CB023	Anh văn căn bản 1	1	4	4		60		
10	CB033	Giải tích 1	1	3	3		45		
11	CB007	Vật lý 1	1	2	2		30		
12	CB029	TT. Vật lý 1	1	1	1			30	CB007 (2)
13	CB041	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	2	2		30		CB040 (1)
14	TT092	Tin học căn bản	2	2	2		15	30	
15	CB024	Anh văn căn bản 2	2	3	3		45		CB023 (1)
16	CB034	Giải tích 2	2	3	3		45		CB033 (1)
17	CB003	Đại số tuyến tính	2	2	2		30		
18	CB008	Vật lý 2	2	2	2		30		CB007 (1)
19	CB030	TT. Vật lý 2	2	1	1			30	CB008 (2)
20	CB042	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	2		30		CB041 (1)

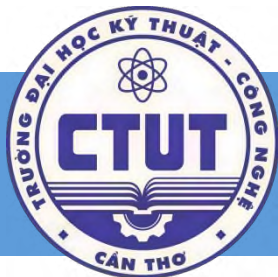




TT	Mã học phần	Tên học phần	Mở bảng		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước/ song hành
			kỳ	▼						
21	CB004	Pháp luật đại cương	3	2	2			30		
22	CB025	Anh văn căn bản 3	3	3	3			45		CB024 (1)
23	CB043	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2	2			30		CB042 (1)
24	CB044	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	5	2	2			30		CB043 (1)
25	CB049	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	7	2				30		
26	QL030	Marketing căn bản	7	2			2	30		
27	QL009	Quản trị học đại cương	7	2				30		
28	CB012	Kỹ năng giao tiếp	7	2				30		
<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>						<b>36</b>	<b>4</b>			
<b>A. Kiến thức bắt buộc</b>										
29	KH001	Những nguyên lý hóa học cơ bản	1	2	2			30		
30	KH006	Nhập môn Công nghệ kỹ thuật hóa học	1	1	1			15		
31	KH002	Hóa vô cơ	2	2	2			30		KH001 (1)
32	KH003	TT Hóa vô cơ	2	1	1			30		KH002 (2)
33	KH007	Cân bằng vật chất và năng lượng	3	3	3			45		
34	KH004	Hóa hữu cơ	3	2	2			30		KH001 (1), KH005 (2)
35	KH005	TT Hóa hữu cơ	3	1	1			30		KH001 (1), KH004 (2)
36	CB027	Hóa phân tích	4	2	2			30		KH001 (1), CB028 (2)
37	CB028	TT Hóa phân tích	4	1	1			30		CB027 (2)
38	KH008	Hóa lý 1	4	2	2			30		CB007 (1), CB033 (1), KH001 (1)
39	CK003	Vẽ kỹ thuật	4	3	3			30	30	
40	TP011	Thống kê - phép thí nghiệm	4	2	2			20	20	
41	KH014	Cơ học lưu chất	4	2	2			30		CB003 (1), CB033 (1), CB034 (1)
42	KH009	Hóa lý 2	5	2	2			30		KH008 (1)
43	KH010	TT Hóa lý	5	1	1			30		KH008 (1), KH009 (2)
44	KH019	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành kỹ thuật	5	2	2			30		
45	DI011	Toán kỹ thuật	5	3	3			30	30	CB003 (1), CB034 (1)
46	KH021	Anh văn chuyên ngành KTHH	5	2	2			30		CB023 (1), CB024 (1), CB025 (1)
47	KH022	Cơ học ứng dụng	6	2	2			30		CB003 (1), CB033 (1)
<b>B. Kiến thức tự chọn</b>							<b>4</b>			
48	KH023	Đạo đức trong ngành kỹ thuật	7	2				30		
49	TP015	Nước cấp, nước thải kỹ nghệ	7	2			2	30		CB027 (1)



TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Hết buổi	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước/ song hành
50	KH024	Hóa học xanh	7	2			30		KH001 (1), KH002 (1)
51	KH026	An toàn trong các quy trình hóa học	8	2			30		
52	KH025	Quản lý và xử lý chất thải nguy hại	8	2		2	30		
53	KH027	Quản lý và xử lý chất thải rắn	8	2			30		
<b>Kiến thức chuyên ngành</b>							<b>35</b>	<b>34</b>	
<b>A. Kiến thức bắt buộc</b>									
54	KH013	Quá trình và thiết bị cơ học	3	2	2		30		
55	KH012	Quá trình và thiết bị Truyền nhiệt	4	2	2		30		KH008 (2)
56	KH011	Quá trình và thiết bị Truyền khối	5	2	2		30		KH007 (1), KH008 (1)
57	KH017	TT QTTB 1 (PTN) - KTHH	5	1	1			30	KH011 (1), KH012 (1), KH013 (1)
58	KH018	TT QTTB 2 (Nhà máy) - KTHH	6	1	1			60	KH011 (1), KH012 (1), KH013 (1)
59	KH015	Đồ án QTTB - KTHH	6	2	2			60	KH011 (1), KH012 (1), KH013 (1), CK003 (1), KH022 (1)
60	KH016	Cơ sở tính toán và thiết kế thiết bị hóa chất	6	2	2		30		KH022 (2)
61	KH029	Mô hình hóa và tối ưu hóa - KTHH	6	3	3		45		CB033 (1), CB034 (1)
62	KH030	Điều khiển quá trình - KTHH	6	2	2		30		DI011 (1), KH029 (2)
63	KH032	Kỹ thuật phản ứng	6	3	3		45		KH008 (1), KH009 (1)
64	KH034	Thực tập chuyên ngành KTHH			2			120	
65	KH036	Thiết kế P&ID	7	2	2		30		
66	KH052	Cơ sở thiết kế nhà máy và quy trình hóa học	7	3	3		45		KH011 (1), KH012 (1)
67	KH028	Đồ án chuyên ngành KTHH	7	2	2			60	
68	KH053	Mô phỏng trong KTHH	8	2	2			60	KH011 (1), KH012 (1)
69	KH033	Đồ án thiết kế và chế tạo sản phẩm	8	2	2			60	
70	KH035	Các phương pháp phân tích hiện đại	9	2	2		28	04	CB027 (1), CB028 (1)
<b>B. Kiến thức tự chọn (tối thiểu 22 TC)</b>							<b>22</b>		
71	DI013	Cơ sở điều khiển tự động	7	3			30	30	DI011 (1)
72	DI003	Kỹ thuật điện B	7	3		6	30	30	



TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước/ song hành
73	KH038	Các quy trình sản xuất trong công nghiệp hóa học	7	2			30		
74	KH041	Công nghệ hóa mỹ phẩm - Hương liệu	7	2			25	10	KH004 (1)
75	TP048	Sản xuất sạch hơn	7	2			30		
76	D0315	Điều khiển lập trình logic	8	2			15	30	CB008 (1)
77	KH042	Kỹ thuật sản xuất chất dẻo	8	2			30		KH004 (1)
78	KH060	Chất màu vô cơ trong công nghiệp	8	2		6	30		
79	KH043	Hóa học chất kích thích và bảo vệ thực vật	8	2			30		KH004 (1)
80	KH063	Công nghệ sản xuất phân bón	8	2			30		
81	KH057	Kỹ thuật sản xuất chất kết dính vô cơ	8	2		4	30		
82	KH058	Kỹ thuật sấy - KTHH	8	2			30		
83	KH062	Quản lý chất lượng	8	2			30		
84	KH039	Hóa học các chất hoạt động bề mặt	9	2			30		KH004 (1)
85	KH048	Các kỹ thuật và phương pháp chuẩn bị mẫu phân tích	9	2		6	30		
86	KH054	Phương pháp số	9	2			30		CB033 (1), CB034 (1), CB003 (1)
87	KH056	Kỹ thuật sản xuất thủy tinh	9	2			30		
<b>C. Học phần tốt nghiệp</b>									
88	KH061	Khóa luận tốt nghiệp KTHH	9	12				540	
89	KH047	Thực tập tốt nghiệp KTHH	9	12				360	
90	KH031	Kỹ thuật xúc tác	9	2			30		
91	KH040	Hóa keo	9	2			30		
92	KH037	An môn và bảo vệ kim loại	9	2		12	30		
93	KH050	Kỹ thuật phân tích nước và nước thải	9	2			30		CB027 (1)
94	KH045	Giáo đồ pha	9	2			30		KH002 (1), KH008 (1)
95	KH065	Công nghệ sản xuất các hợp chất vô cơ	9	2			30		

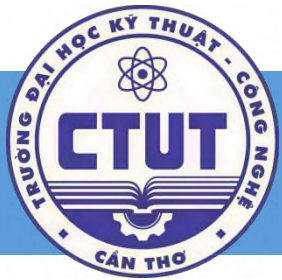
Ghi chú: Học phần có dấu (\*) là những học phần điều kiện, không tính vào điểm trung bình chung tích lũy; (1): học phần học trước; (2): học phần song hành



NGND.PGS. TS Huỳnh Thanh Nữ

Cần Thơ, ngày 02 tháng 5 năm 2024  
KHOA CN THỰC PHẨM VÀ CN SINH HỌC  
TRƯỞNG KHOA

TS. Đoàn Thị Kiên Tiên

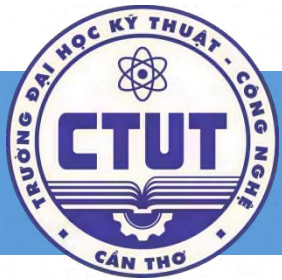


# NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

## HỌC PHẦN

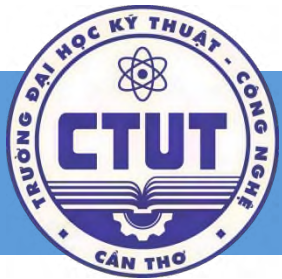
*Gồm học phần bắt buộc và học phần tự chọn:*

- Học phần bắt buộc: Là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và **bắt buộc sinh viên phải tích lũy**;
- Học phần tự chọn: Là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được **tự chọn theo hướng dẫn của trường** (thông qua cố vấn học tập) nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.



# NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Học phần tiên quyết: Học phần X được gọi là tiên quyết của học phần Y, khi đăng ký học phần Y, sinh viên đã đăng ký học phần X ở học kỳ trước đó và thi đạt học phần X (đã tích lũy).
- Học phần học trước: Học phần X được gọi là học phần học trước của học phần Y, khi đăng ký học phần Y, sinh viên đã đăng ký học phần X ở học kỳ trước đó (có thể chưa tích lũy).
- Học phần song hành: Học phần X được gọi là học phần song hành của học phần Y, khi đăng ký học phần Y, sinh viên đã đăng ký học phần X ở học kỳ trước đó hoặc trong cùng học kỳ.

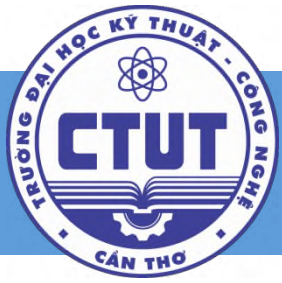


# NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

## QUY ĐỊNH TÍN CHỈ

Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. **Một tín chỉ** được quy định:

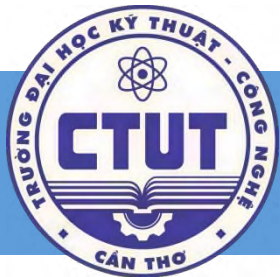
- *15 tiết học lý thuyết;*
- *Từ 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận;*
- *Từ 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở;*
- *Từ 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, luận văn tốt nghiệp, hoặc thực tập tốt nghiệp cuối khóa.*



# NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

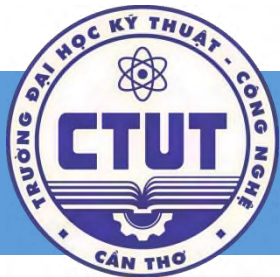
## THỜI GIAN HỌC TRÊN LỚP

- Sinh viên phải có mặt **100% số giờ** đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, thực tập ngoài trường, Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất;
- **Tối thiểu 80% số giờ** đối với các học phần lý thuyết. Sinh viên vắng lên lớp nhiều hơn thời gian quy định sẽ bị cấm thi. Cán bộ giảng dạy học phần đề nghị Khoa quản lý học phần duyệt danh sách sinh viên bị cấm thi và cho điểm F vào bảng điểm.



# Thời gian dạy học

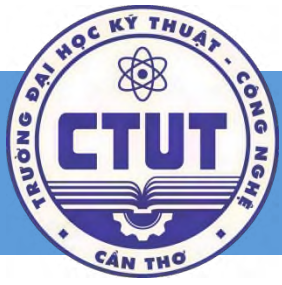
Buổi học	Tiết	Từ	Đến	Thời gian nghỉ
Sáng	1	7 giờ 00	7 giờ 50	
	2	7 giờ 50	8 giờ 40	15 phút
	3	8 giờ 55	9 giờ 45	
	4	9 giờ 45	10 giờ 35	05 phút
	5	10 giờ 40	11 giờ 30	
Chiều	6	13 giờ 20	14 giờ 10	
	7	14 giờ 10	15 giờ 00	15 phút
	8	15 giờ 15	15 giờ 30	
	9	16 giờ 05	16 giờ 05	05 phút
	10	17 giờ 00	17 giờ 50	
Tối	11	18 giờ 20	19 giờ 10	
	12	19 giờ 10	20 giờ 00	05 phút
	13	20 giờ 05	20 giờ 55	



# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

**Thời gian và Kế hoạch đào tạo khóa học:** 01 năm học có 02 học kỳ chính (Mỗi học kỳ chính có 19 tuần gồm: 15 tuần học, 01 tuần dự trữ, 03 tuần thi) và 01 học kỳ phụ (07 tuần gồm : 06 tuần học, 01 tuần thi)

Loại hình đào tạo	Thời gian thiết kế	Thời gian tối thiểu	Thời gian tối đa
	Số năm	Số năm	Số năm
<b>Cử nhân, chính quy (130 tc + 11 tc GDTC, GDQP-AN)</b>	<b>4,0</b>	<b>3,5</b>	<b>8,0</b>
<b>Cử nhân, vừa làm vừa học</b>	<b>4,5</b>	<b>4,0</b>	<b>9,0</b>
<b>Kỹ sư, chính quy (150 tc + 11 tc GDTC, GDQP-AN)</b>	<b>4,5</b>	<b>4,0</b>	<b>9,0</b>
<b>Kỹ sư, vừa làm vừa học</b>	<b>5,0</b>	<b>4,5</b>	<b>10,0</b>



# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

## LỚP HỌC PHẦN

Được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ, trong cùng thời điểm. Mỗi lớp học phần được gán một mã số riêng. **Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn chuẩn tối thiểu thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học phần khác có lớp.**



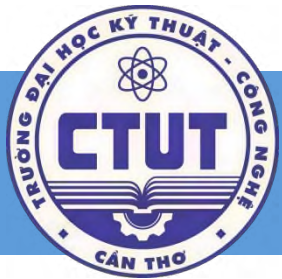
# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

## **Lớp sinh viên (Lớp danh nghĩa)**

Là lớp được tổ chức cho sinh viên cùng khóa của ngành đào tạo, thường được duy trì suốt khóa học. Trường hợp ngành có đông sinh viên sẽ được chia thành nhiều lớp sinh viên. Mỗi lớp sinh viên có một tên riêng gắn với ngành, khóa đào tạo, có cố vấn học tập, ban cán sự lớp, chi đoàn thanh niên, chi hội sinh viên.

## **Cố vấn học tập (CVHT)**

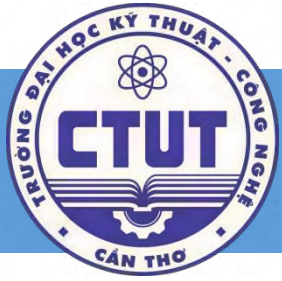
CVHT làm công tác quản lý và hướng dẫn sinh viên về học vụ, giúp đỡ sinh viên lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và kế hoạch cho toàn bộ khóa học. CVHT phải được phân công từ đầu khoá học.



# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

## **Đăng ký khối lượng học tập**

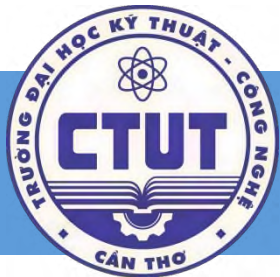
Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ nhà Trường sẽ đăng ký lịch học cho sinh viên từng chương trình trong từng học kỳ theo kế hoạch, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn, đề cương chi tiết, điều kiện để được đăng ký học cho từng học phần.



# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

## KẾ HOẠCH HỌC TẬP

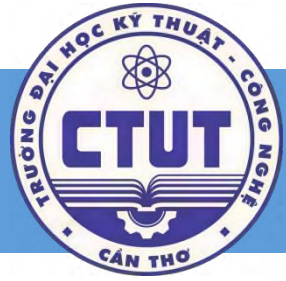
Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, Khoa chuyên ngành và cố vấn học tập định hướng sinh viên học phần sẽ học trong học kỳ đó. Thời điểm bắt đầu và kết thúc việc đăng ký học phần do nhà Trường lên kế hoạch học kỳ.



# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

## **KHỐI LƯỢNG TÍN CHỈ / HỌC KỲ**

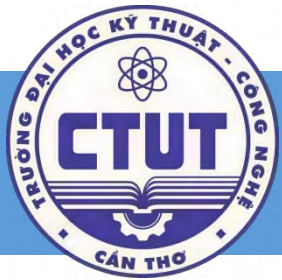
- Khối lượng học tập mỗi sinh viên đăng ký trong một học kỳ từ 15 tín chỉ đến 22 tín chỉ, trừ học kỳ cuối khóa học và học kỳ phụ theo kế hoạch học tập toàn khóa.
- Đối với Khóa mới nhập học, Phòng Đào tạo sẽ đăng ký những học phần của học kỳ I (16 tín chỉ).



# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

## **Xếp hạng học lực sinh viên**

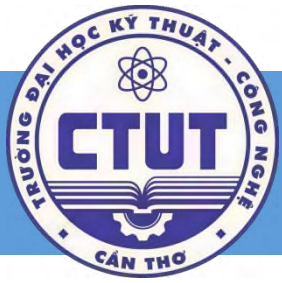
- Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.
- Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.



# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

## Rút bớt học phần đã đăng ký

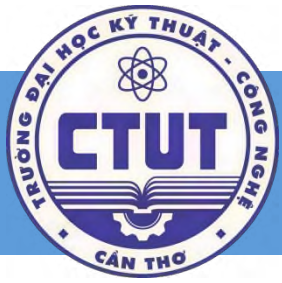
- **Chậm nhất trước 03 ngày khi bắt đầu học kỳ:** Trường sẽ chuyển học phí học phần sang học kỳ kế tiếp.
- **Chậm nhất là tuần lễ thứ 7 của học kỳ chính và tuần lễ thứ 2 của học kỳ phụ:** nếu nhận thấy việc học khó khăn có thể dẫn đến kết quả kém, sinh viên có thể rút bớt học phần đã đăng ký nhưng không được trả lại học phí.
- Ngoài thời hạn quy định, học phần vẫn được giữ nguyên trong hệ thống và nếu sinh viên không lên lớp học, coi như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.



# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

## Đăng ký học lại

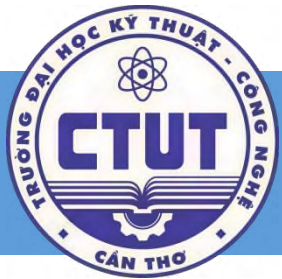
- Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A<sup>+</sup>, A, B<sup>+</sup>, B, C<sup>+</sup>, C, D<sup>+</sup> hoặc D.
- Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F có thể đăng ký học lại học phần đó hoặc đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.



# TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

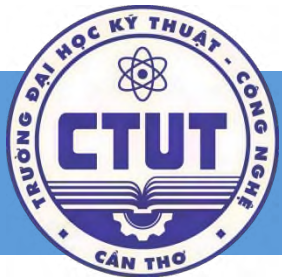
## **Đăng ký học lại để cải thiện kết quả**

Các học phần đã tích lũy ở mức điểm D, D<sup>+</sup>, C, C<sup>+</sup>, B, B<sup>+</sup>, sinh viên có thể đăng ký học lại để cải thiện kết quả. Điểm của học phần được tính vào điểm trung bình chung tích lũy sẽ là điểm cao nhất trong các lần học. Điểm của các lần học sẽ được thể hiện trên bảng điểm toàn khóa.



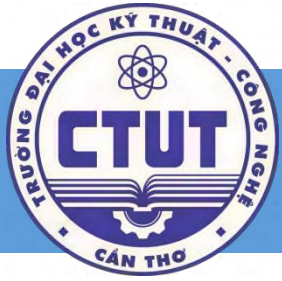
# KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

<b>Loại</b>	<b>Điểm hệ số 10</b>	<b>Điểm chữ</b>	<b>xếp loại</b>
<b>a) Loại đạt (tích lũy)</b>	<b>9,5 - 10</b>	<b>A<sup>+</sup></b>	<b>Giỏi</b>
	<b>8,5 - 9,4</b>	<b>A</b>	<b>Giỏi</b>
	<b>8,0 - 8,4</b>	<b>B<sup>+</sup></b>	<b>Khá</b>
	<b>7,0 - 7,9</b>	<b>B</b>	<b>Khá</b>
	<b>6,5 - 6,9</b>	<b>C<sup>+</sup></b>	<b>Trung bình</b>
	<b>5,5 - 6,4</b>	<b>C</b>	<b>Trung bình</b>
	<b>5,0 - 5,4</b>	<b>D<sup>+</sup></b>	<b>Trung bình yếu</b>
	<b>4,0 - 4,9</b>	<b>D</b>	<b>Trung bình yếu</b>
<b>b) Loại không đạt</b>	<b>0,0 - 3,9</b>	<b>F</b>	<b>Kém</b>



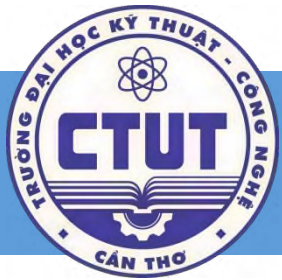
## Cách tính điểm trung bình chung

<b>Điểm chữ</b>	<b>Điểm hệ số 4</b>
<b>A<sup>+</sup></b>	<b>4,0</b>
<b>A</b>	<b>3,8</b>
<b>B<sup>+</sup></b>	<b>3,5</b>
<b>B</b>	<b>3,0</b>
<b>C<sup>+</sup></b>	<b>2,5</b>
<b>C</b>	<b>2,0</b>
<b>D<sup>+</sup></b>	<b>1,5</b>
<b>D</b>	<b>1,0</b>
<b>F</b>	<b>0,0</b>



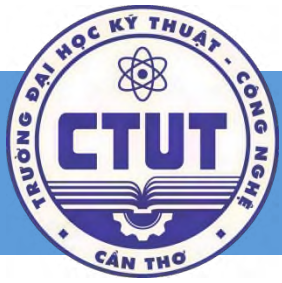
# Phần 2

**Quy định khóa luận tốt nghiệp  
hoặc thực tập tốt nghiệp  
Hoặc học thay thế**



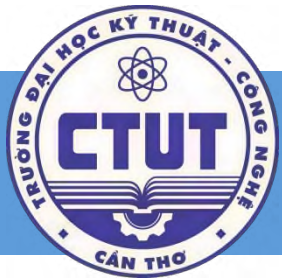
## KHÓA LUẬN HOẶC THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

- Sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp phải đúng tiến độ chương trình đào tạo và tính đến hết học kỳ 7 (Cử nhân) hoặc tính đến hết học kỳ 8 (Kỹ sư), sinh viên đạt trung bình chung tích lũy từ loại khá trở lên (2,5 điểm trong thang điểm 4) và tích lũy 85% số tín chỉ trở lên. Ngược lại, sinh viên làm thực tập tốt nghiệp
  - Không bị kỷ luật trong quá trình học tập.



## KHÓA LUẬN HOẶC THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

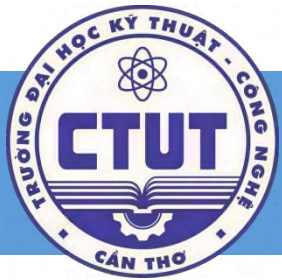
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập tốt nghiệp cuối khóa là công trình khoa học của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp các kiến thức đã tiếp thu trong lĩnh vực chuyên môn để giải quyết các yêu cầu thực tiễn.
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập tốt nghiệp (12 tín chỉ).



# LUẬN VĂN HOẶC THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

## HƯỚNG DẪN VÀ ĐÁNH GIÁ

- Mỗi sinh viên sẽ có 1 hoặc 2 cán bộ hướng dẫn.
- Hội đồng bảo vệ luận văn gồm: Chủ tịch hội đồng, thư ký, cán bộ phản biện.

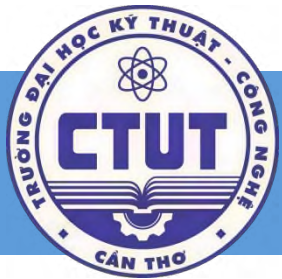


# XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

## ĐIỀU KIỆN

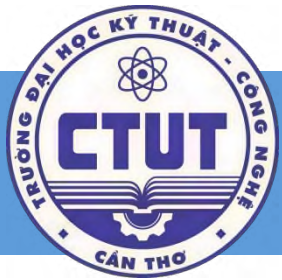
Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.



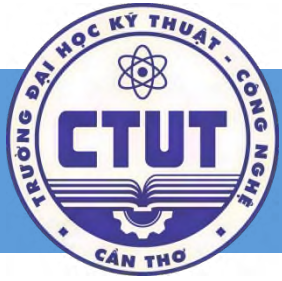
## XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.



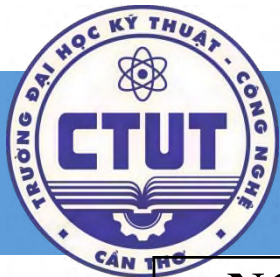
## XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

- Có Chứng chỉ giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành học phần giáo dục thể chất.
- Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.



## Phần 3

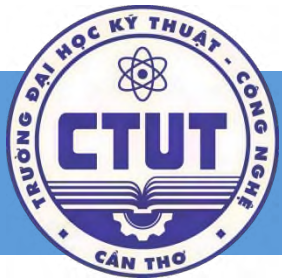
**Quy định chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin**



# CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

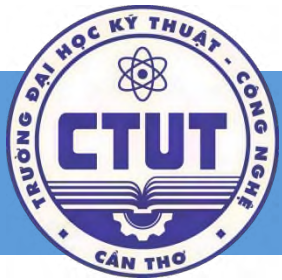
NGOẠI NGỮ	CHỨNG CHỈ	MỨC ĐỘ TỐI THIỂU
Tiếng Anh	<b>TOEIC</b>	<b>450</b>
	<b>Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (Được Bộ GD&amp;ĐT cấp phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ)</b>	<b>Bậc 3 (B1)</b>
	<b>CEFR</b>	<b>B1</b>
	<b>IELTS</b>	<b>4.5</b>
	<b>TOEFL ITP</b>	<b>450</b>
	<b>TOEFL iBT</b>	<b>45</b>
Tiếng Pháp	<b>DELF</b>	<b>B1</b>
Tiếng Trung	<b>HSK</b>	<b>Cấp 3</b>
Tiếng Nga	<b>TRKI</b>	<b>B1</b>
Tiếng Nhật	<b>JLPT</b>	<b>N4</b>

Nếu sinh viên có chứng nhận năng lực tiếng Anh CTUT do Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ cấp



# CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

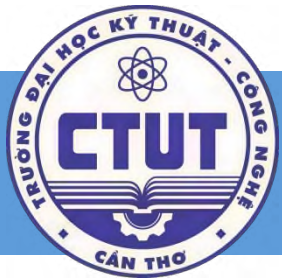
**Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản:** Do Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ hoặc Trường Đại học Cần Thơ cấp  
*(Trừ trường hợp sinh viên học các chuyên ngành đào tạo về Công nghệ thông tin).*



# **Phần 4**

## **Hạng tốt nghiệp**

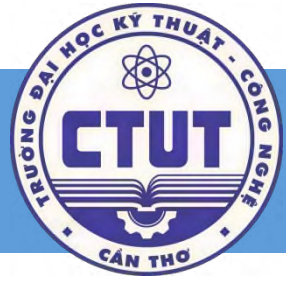
### **Và thời gian trao bằng**



# HẠNG TỐT NGHIỆP

Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

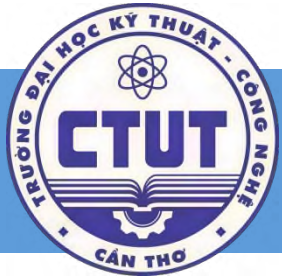
- a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.



## THỜI GIAN TRAO BẰNG TỐT NGHIỆP

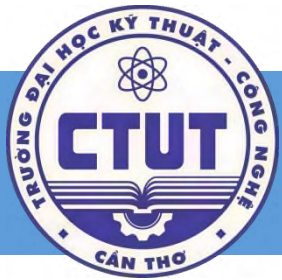
Trường tổ chức xét và trao bằng tốt nghiệp vào tháng 3 và tháng 9.

Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được nhận quyết định công nhận tốt nghiệp, bảng điểm học tập toàn khóa và bằng tốt nghiệp. Bằng tốt nghiệp chỉ cấp một lần. Trường hợp bằng tốt nghiệp bị mất hoặc bị hỏng, sinh viên nộp đơn cho Phòng Đào tạo đề nghị cấp “**Bản sao**” bằng tốt nghiệp.



# Phần 5

## Hướng dẫn sử dụng phần mềm



# ĐĂNG KÝ HP QUA INTERNET

**Bước 01:** Truy cập: [www.ctuet.edu.vn](http://www.ctuet.edu.vn) -> Cổng thông tin -> Sinh viên, phụ huynh

## TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Phương thức xét tuyển

- Xét kết quả học bạ
- Xét kết quả thi THPT
- Tuyển thẳng
- Xét kết quả kỳ thi năng lực



### Cổng thông tin

- Sinh viên, phụ huynh
- Đào tạo
- Dịch vụ
- Đoàn thể



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

**Bước 02:** Đăng nhập tài khoản học tập cá nhân



## CỔNG THÔNG TIN SINH VIÊN

### ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG

Nhập mã sinh viên

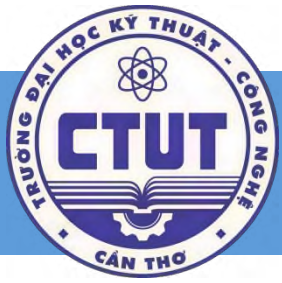
Nhập mật khẩu

Đã tốt nghiệp

Nhập mã



ĐĂNG NHẬP



# ĐĂNG KÝ HP QUA INTERNET

## Thông tin sinh viên



Xem chi tiết

MSSV: 1800863

Họ tên: Nguyễn Văn Chuyển Trường

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/03/2019

Nơi sinh: Tỉnh Bình Thuận

Lớp học: CDT0121

Khóa học: 2021

Bậc đào tạo: Đại học chính quy

Loại hình đào tạo: Chính quy

Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

Nhắc nhở mới, chưa xem

0

Xem chi tiết



Lịch học trong tuần

0

Xem chi tiết



Lịch thi trong tuần

0

Xem chi tiết



Chương trình khung



Thông tin sinh viên



Kết quả học tập



Lịch theo tuần



Lịch theo tiến độ



Đăng ký học phần



Tra cứu công nợ



Thanh toán trực tuyến



Phiếu thu tổng hợp

## Đăng ký học phần

Chọn đợt đăng ký

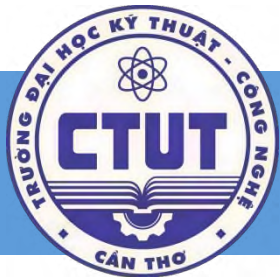


Học mới

Học lại

Học cải thiện

**Bước 03:** Sinh viên chọn đăng ký học phần -> Chọn đợt đăng ký (học kỳ) -> Chọn đăng ký học mới, học lại, học cải thiện.



# ĐĂNG KÝ HP QUA INTERNET

## Môn học/học phần đang chờ đăng ký

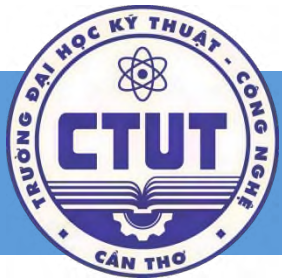
	STT	Mã học phần	Tên môn học/học phần	TC	Bắt buộc	học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
<input type="radio"/>	1	0101000536	Anh văn căn bản 1	4	✔	
<input type="radio"/>	2	0101000538	Vật lý 1	2	✔	000713 - Anh văn căn bản 2
<input type="radio"/>	3	0101000540	Anh văn căn bản 3	1	✔	000713 (a)
<input type="radio"/>	4	0101001203	Hệ thống nhúng	2	✘	001699 (a)

**Bước 04:** Chọn học phần cần đăng ký.

*Lưu ý:*

+ Cột “Bắt buộc” nếu có dấu ✔ là học phần bắt buộc, dấu ✘ là học phần tự chọn.

+ Để con trỏ chuột ngay vị trí mã học phần học trước(a), tiên quyết (b), song hành (c) để hiển thị tên học phần.



# ĐĂNG KÝ HP QUA INTERNET

## Lớp học phần chờ đăng ký

HIỂN THỊ LỚP HỌC PHẦN KHÔNG TRÙNG LỊCH

Xem lịch trùng

STT	Thông tin lớp học phần	Đã đăng ký
1	<b>Pháp luật đại cương</b> Trạng thái: <b>Chỉ đăng ký</b> Mã lớp học phần: 010100053301 - KHDL0119	50 / 100
2	<b>Pháp luật đại cương</b> Trạng thái: <b>Đã khóa</b> Mã lớp học phần: 010100053311 - NNA0121	0 / 140
3	<b>Pháp luật đại cương</b> Trạng thái: <b>Đã khóa</b>	0 / 140

## Chi tiết lớp học phần

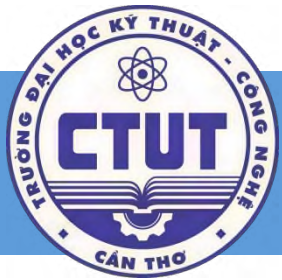
Trạng thái: <b>Chỉ đăng ký</b>	Sĩ số tối đa: 100
Lịch học: <b>LT - Thứ 4 (Tiết 8 -&gt; 10)</b> Cơ sở: <b>Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ</b> Dãy nhà: <b>KHU C - 1 trệt 6 lầu</b> Phòng: <b>C505</b>	<b>GV: Nguyễn Thu Hương</b> 15/09/2021 - 17/11/2021

Đăng ký

## Bước 05: Chọn lớp học phần và bấm đăng ký

Lưu ý:

- Sinh viên xem kỹ thông tin lớp học phần (trạng thái lớp học phần, thời gian học, số lượng đăng ký, nhóm học, ...)
- Các trạng thái lớp học phần:
  - + **Đang lên kế hoạch:** đang trong giai đoạn lên lịch học, sinh viên chỉ xem được.
  - + **Mở lớp:** được tự do đăng ký và hủy đăng ký nhưng chưa đóng học phí được.
  - + **Chỉ đăng ký:** được đăng ký nhưng không được hủy đăng ký, có thể đóng học phí.
  - + **Đã khóa:** không được đăng ký hoặc hủy đăng ký, có thể đóng học phí.



# ĐĂNG KÝ HP QUA INTERNET

Lớp học phần đã đăng ký trong học kỳ này



phần	Tên môn học/học phần	Lớp học dự kiến	TC	Nhóm TH	Học phí	Hạn nộp	Thu	Trạng thái ĐK	Ngày ĐK	Trạng thái Lớp học phần		
59	Mô hình hóa hệ thống cơ khí	CDT0118	2		540.000	10/09/2021	✘	Đăng ký mới	06/09/2021	Chỉ đăng ký	Xem	Hủy
97	Sử dụng năng lượng hiệu quả	DIEN0118	2		540.000	10/09/2021	✘	Đăng ký mới	06/09/2021	Chỉ đăng ký	Xem	Hủy

Bước 06: Kiểm tra thông tin các lớp học phần đã đăng ký

*Lưu ý:*

- *Cột học phí là số tiền sinh viên cần phải nộp cho từng học phần.*
- *Thời hạn nộp học phí.*
- *Trạng thái học phí cột “thu” nếu có dấu ✔ là đã hoàn thành học phí, nếu có dấu ✘ là chưa hoàn thành học phí.*
- *Nút “Xem”: xem lịch học lớp học phần đã đăng ký.*
- *Nút “Hủy”: hủy đăng ký lớp học phần (chỉ hủy đăng ký khi lớp học phần ở trạng thái “mở lớp” và chưa hoàn thành học phí).*